

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1953. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1950. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Ngô Thị Hồng Th**, sinh năm 1952. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị Hồng L1**, sinh năm 1980. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị Bé H, ông Lê Hồng D có quen biết cùng xóm nên bà có tham gia chơi hội do bà H và ông D làm chủ hội gồm:

- Hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch) gồm có 15 phần, bà tham gia 02 phần, bà đã góp được 06 lần với số tiền (12.000.000 đồng x 2 phần) = 24.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch) gồm có 17 phần, bà tham gia 01 phần, bà góp được 12 lần với số tiền 12.000.000 đồng.

Sau đó bà H tuyên bố bế hội và không trả tiền lại cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông D trả số tiền trên nhưng bà H và ông D hứa hẹn nhiều lần và kéo dài đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả lại cho bà số tiền hội là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hồng D trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà H có làm chủ hội khoảng 10 năm nay, đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bế hội. Do kinh tế gia đình quá khó khăn không có khả năng trả tiền hội cho các hội viên nên đến tháng 10/2019, ông và bà H đi đến tỉnh Bình Dương tìm việc làm.

Khi bà Bé H làm chủ hội, bà Nguyễn Thị B có tham gia chơi hội nhưng ông không biết bà B tham gia bao nhiêu chân hội. Ông thừa nhận bà H có nợ tiền hội của bà B nhưng hiện nay ông chưa xác định được số tiền hội bà H nợ bà B là bao nhiêu. Do bận đi làm nên bà H không đến Tòa án được, ông và bà H sẽ tính toán lại sổ hội để xác định số tiền hội còn nợ bà B.

Mặc dù việc tổ chức hội là do bà H tự làm, ông không có tham gia nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền hội thực tế bà B đã đóng, yêu cầu bà B không tính tiền lãi.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị B, còn bà H và ông D thì ông chỉ quen biết ở xóm.

Ông cùng vợ là bà B có chơi 02 dây hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội, ông và bà B mỗi người tham gia một phần hội, gồm: Dây hội mùa 1.000.000 đồng và dây hội mùa 2.000.000 đồng, 03 tháng khai một lần, khai vào ngày nào thì ông không biết vì bà H không đưa giấy hội cho ông, khi nào bà H kêu đóng tiền hội và đóng bao nhiêu tiền thì ông đóng chứ ông không biết hội khai ngày nào, dây hội bao nhiêu thành viên và gồm những ai.

Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị B có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà B tham gia chung 02 dây hội gồm:

- Hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Bà tham gia 01 phần, đã góp 06 lần số tiền 12.000.000 đồng, phần hội này bà chưa hót.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần, đã góp được 13 lần số tiền 13.000.000 đồng, phần hội này bà chưa hót.

Bà chỉ biết bà có tham gia hội chung với bà B 02 dây hội trên và bà B chưa hót hội. Còn bà B tham gia mấy phần, đã góp bao nhiêu tiền thì bà không biết rõ. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị Hồng Th trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị B có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà B có tham gia chung 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 02 phần hội, còn bà B thì tham gia 01 phần hội. Phần hội này bà đã góp được 24.000.000 đồng, bà B đã góp là 12.000.000 đồng. Do bể hội nên bà Bé H chưa giao tiền hội cho bà và bà B.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hồng L1 trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị B có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà B có tham gia chung 01 dây hội, cụ thể: Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần hội, còn bà B thì tham gia 01 phần hội. Bà đã góp được 12.000.000 đồng, bà B đã góp được 12.000.000 đồng. Bà và bà B đều chưa hót hội này. Do bà H bể hội nên chưa giao số tiền hội trên cho bà và bà B.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi là 29.700.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, bà Ngô Thị Hồng Th và bà Nguyễn Thị Hồng L1 có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hụi”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà B, ông D, ông C, bà L, bà Th và bà L1 cùng xác định bà H có làm chủ hụi, quá trình làm hụi có phát sinh tranh chấp nên bà B khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hụi*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, bà Ngô Thị Hồng Th và bà Nguyễn Thị Hồng L1 có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Năm 2017, bà H có làm chủ hụi nhiều dây hụi, bà B có tham gia 02 dây hụi:

- Hụi mùa 2.000.000 đồng, 03 tháng khui 01 lần, khui ngày 20/7/2017 (âm lịch) gồm có 15 phần. Hụi viên gồm có bà B, bà L và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà B tham gia 02 phần, mỗi phần góp được 06 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 1.650.000 đồng/phần, tổng số tiền bà B đã góp

cho cả 02 phần hui này là 19.800.000 đồng. Bà L đã góp được 12.000.000 đồng. Bà B và bà L đều chưa hót hui.

- Hui 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch) gồm có 17 phần. Hui viên gồm có bà B, bà L, bà Th, bà L1 và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà B tham gia 01 phần và đã góp được 12 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 825.000 đồng, tổng số tiền bà B đã góp là 9.900.000 đồng. Bà L đã góp 13.000.000 đồng, bà Th đã góp 24.000.000 đồng, bà L1 đã góp 12.000.000 đồng. Bà B, bà L, bà Th và bà L1 đều chưa hót hui.

Nay bà B yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả lại cho bà số tiền hui là 29.700.000 đồng (*Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*). Ông C, bà L, bà Th và bà L1 không có yêu cầu trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà B yêu cầu bà H, ông D trả cho bà số tiền 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà B có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà B chỉ yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hui là 29.700.000 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, có quyền chấm dứt hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà B có cung cấp 02 tờ giấy hui viết tay thể hiện các dây hui ngày 20/7/2017 và ngày 20/12/2017 (cùng tính theo ngày âm lịch). Theo bà B thì đây là các giấy hui do bà H tự ghi và đưa cho bà và các hui viên. Bà B chỉ biết có tham gia hui cùng với ông C, bà L, bà Th và bà L1, còn lại tên của những người khác trong giấy hui thì bà không biết, tên của bà ghi trong giấy hui là tên “5 Chĩ” (ghi theo tên thường gọi). Trong quá trình tham gia hui, bà H không cho các hui viên biết cụ thể những ai đã hót hui, do tin tưởng nên bà vẫn góp hui đầy đủ cho bà H, đến khi bẻ hui thì bà mới biết có một số dây hui mặc dù đã mẫn nhưng vẫn còn nhiều người chưa được hót hui.

Bà L, bà Th và bà L1 đều thừa nhận các dây hui trên là có thật, ông C không xác định được tham gia chung với bà B dây hui nào. Ông D thừa nhận việc bà H có nợ tiền hui của bà B nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu tiền. Do bà H và ông D đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra ý kiến phản bác đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà B nên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu lời khai của các đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, từ đó có cơ sở để xác định tổng số tiền hui bà H còn nợ bà B đối với 02 dây hui ngày ngày 20/7/2017 và ngày 20/12/2017 (ngày âm lịch) là 29.700.000 đồng.

Đối với ông D là chồng của bà H, mặc dù không trực tiếp tổ chức các dây hui trên nhưng theo bà B thì ông D là người thu tiền hui của bà góp cho bà H; đồng thời, ông D cũng tự nguyện cùng bà H trả số tiền hui mà bà H còn nợ bà B. Do đó, cần buộc ông D liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả cho bà B số tiền 29.700.000 đồng là phù hợp quy định điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, bà Ngô Thị Hồng Th và bà Nguyễn Thị Hồng L1 có tham gia một số dây hui cùng với bà B nhưng các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà B được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 29.700.000 đồng (*Hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D phải nộp số tiền 1.485.000 đồng (*Một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị B được nhận lại số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010774 ngày 16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế